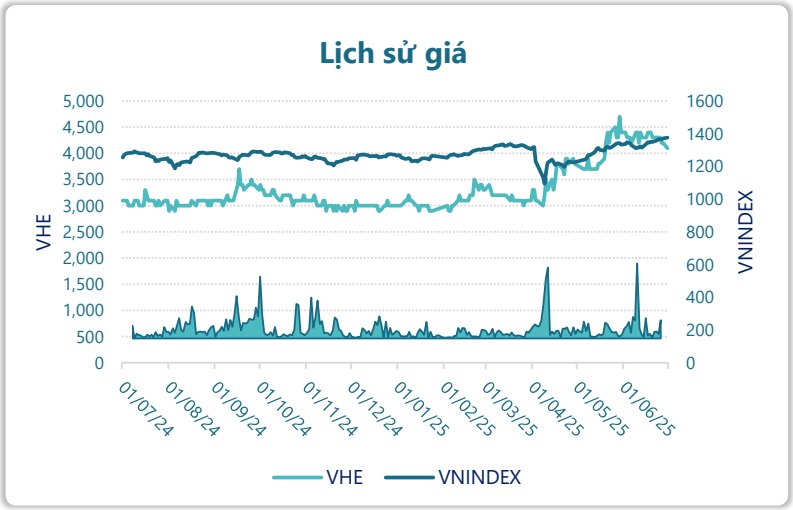
FireAnt

CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (HNX: VHE)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	33,139,966
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150,885
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
P/E	10.0
EPS	412

DT thuần

Q2/25

213

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.0| 35.6%

YoY: ▲ 49.0| 29.8%

LN sau thuế

Q2/25

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.2| 881%

YoY: ▲ 10.4| 984%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.3%

+/- YoY: ▲ 6.7%

DT thuần

6T 2025

370

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 140| 61.1%

LN sau thuế

6T 2025

12.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.1| 780%

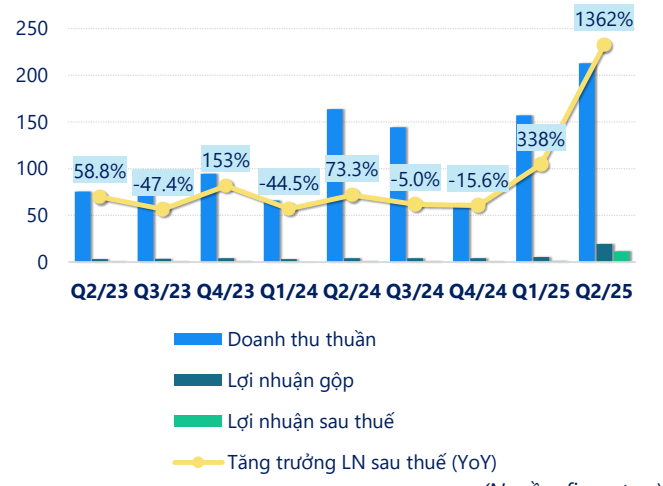
ROE

Q2/25

3.7%

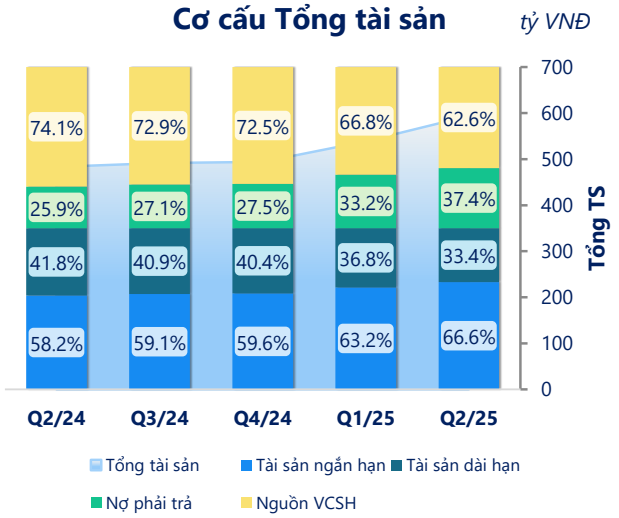
+/- YoY: ▲ 3.0%

Kết quả kinh doanh



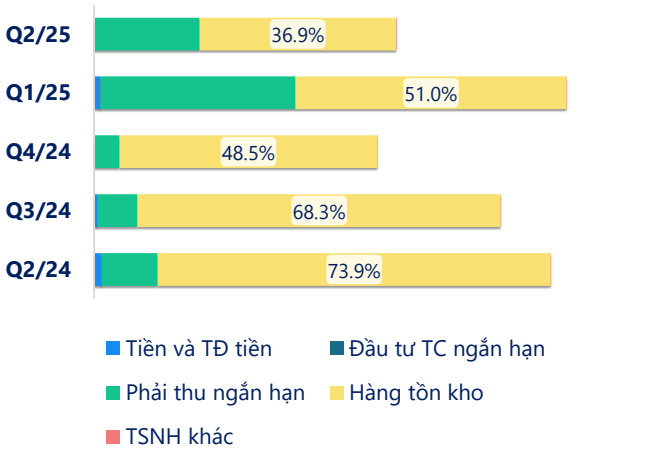
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



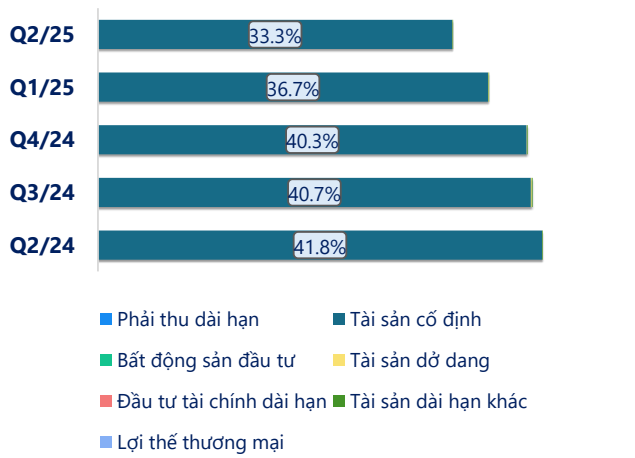
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



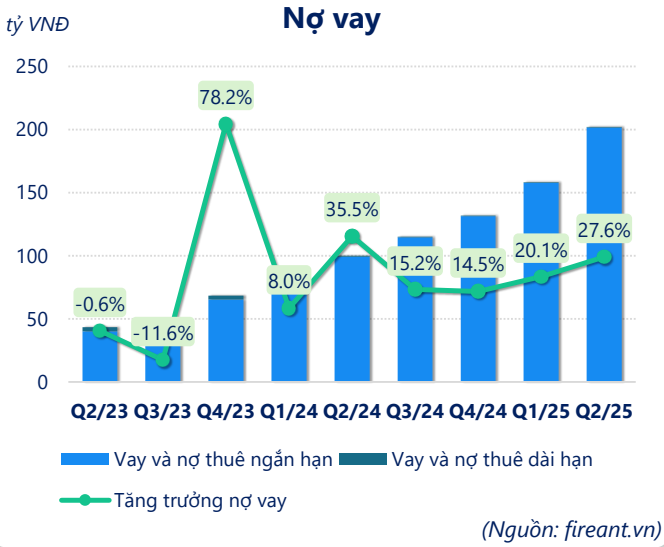
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



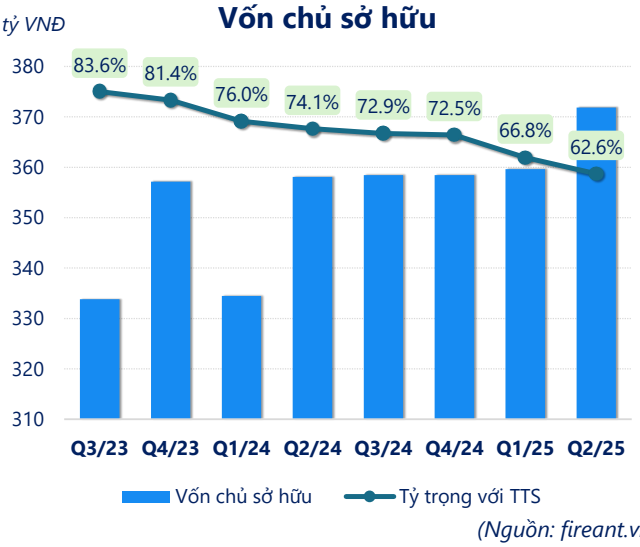
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



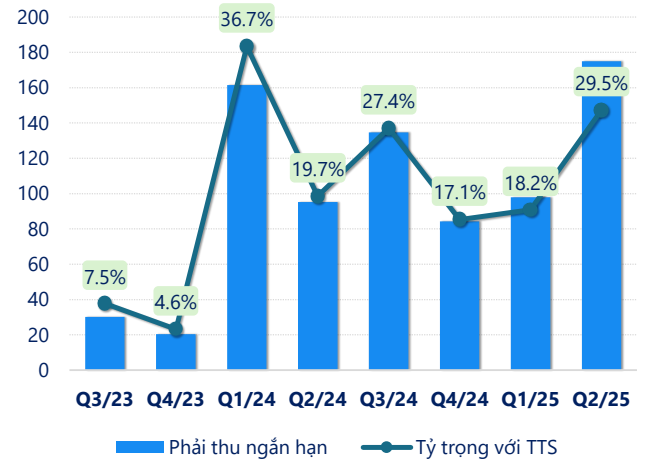
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



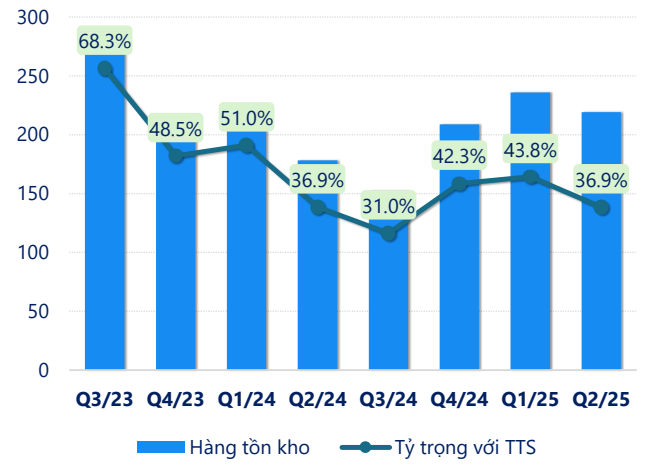
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



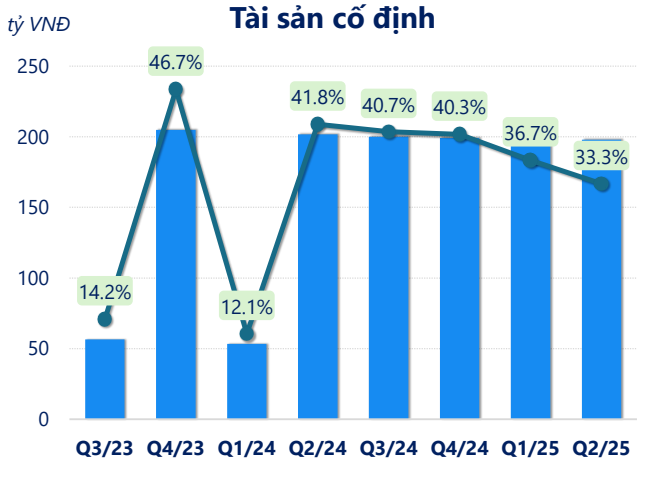
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



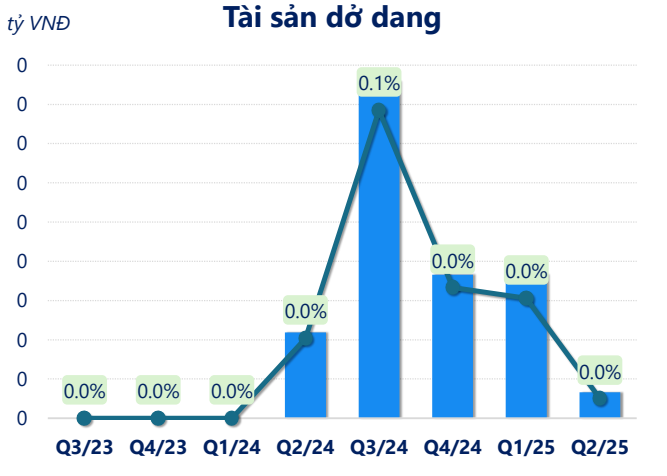
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



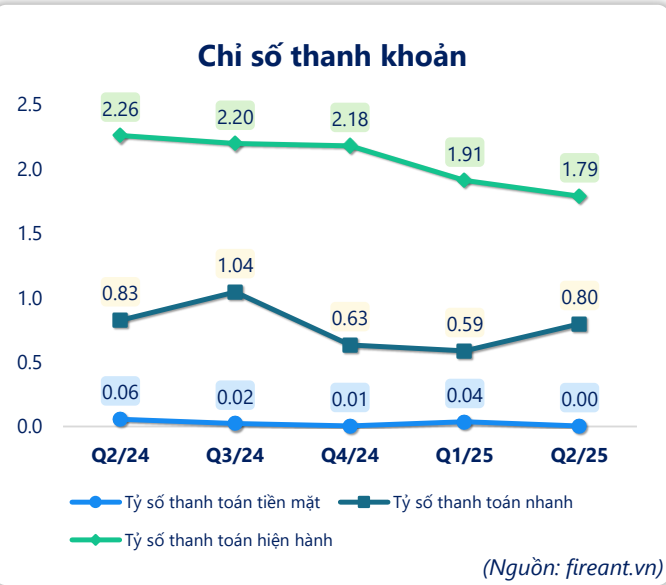
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



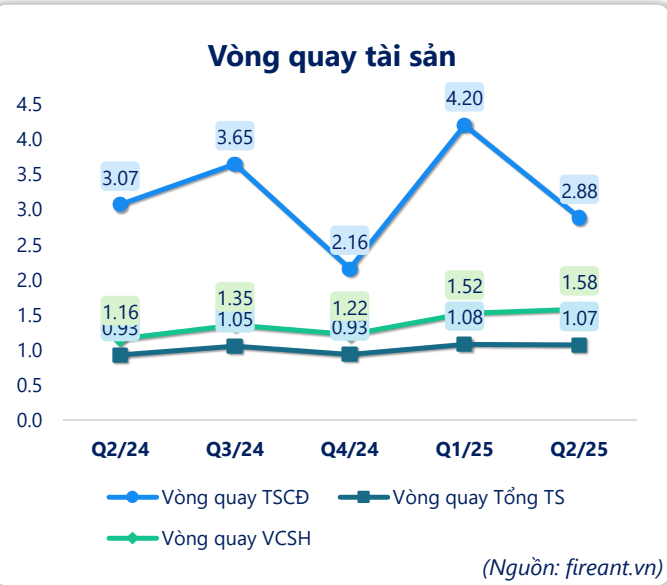
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**483**	**491**	**494**	**538**	**594**
Tài sản ngắn hạn	**281**	**291**	**294**	**340**	**396**
Tiền và tương đương tiền	6.96	3.03	0.69	6.42	0.87
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	95.2	135	84.3	97.9	175
Hàng tồn kho	178	152	209	236	219
Tài sản ngắn hạn khác	0.56	0.44	0.50	0.37	0.39
Tài sản dài hạn	**202**	**201**	**200**	**198**	**198**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	202	200	199	198	198
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.11	0.43	0.18	0.18	0.03
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.34	0.33	0.32	0.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**125**	**133**	**136**	**179**	**222**
Nợ ngắn hạn	**124**	**132**	**135**	**178**	**221**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	99.4	115	131	158	202
Phải trả người bán ngắn hạn	23.6	16.8	2.22	18.6	15.2
Nợ dài hạn	0.63	0.63	0.56	0.56	0.69
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.63	0.56	0.56	0.49
Nguồn vốn chủ sở hữu	**358**	**358**	**358**	**360**	**372**
Vốn chủ sở hữu	**358**	**358**	**358**	**360**	**372**
Vốn điều lệ	331	331	331	331	331
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)